TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ M** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 12 - 6 - 2018
"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn Giang

2. Bà: Đinh Thanh Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh, thư ký tòa án nhân dân thành phố M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên toà: Ông Cao Đức Hùng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố M mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự "Tranh chấp về hôn nhân gia đình" thụ lý số 12/2018/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 16/2018/HPT - HNGĐ ngày 25/5/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1983.

Nơi ĐKHKTT: Xóm 8, thôn H (nay là đội 8), xã K, huyện T, thành phố H.

Tạm trú: Số 57, phố T, Khu 7, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. - Có mặt.

**Bị đơn*: Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1977.

Nơi ĐKHKTT: Số 74/422 T, phường T, quận L, thành phố H.

Tạm trú: Số 57, phố T, khu 7, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân : Chị L và anh T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn từ năm 2008 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận L, thành phố H trên cơ sở tự nguyện có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau. Thời gian mới kết hôn anh T còn

đi làm được một năm thì nghỉ việc không chịu làm ăn gì nên cuộc sống chung của anh chị sống không mấy hòa thuận hạnh phúc. Sau đó chị L phát hiện anh T chơi bời sử dụng ma túy không lo làm ăn nữa mà còn về nhà gây sự đánh đập chị. Sự việc mâu thuẫn gia đình chị chính quyền địa phương đã phải can thiệp hòa giải do anh T đánh đập chị thậm tệ . Nay chị xác định đã không còn tình cảm, tình yêu thương với anh T nữa và chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Anh T.

-Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có một con chung là Nguyễn Nam P, sinh ngày 27/7/2008. Chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung: Không có.

- Về các khoản nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện tống đạt cho bị đơn anh Nguyễn Anh T các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án số 12 ngày 16/01/2018, các giấy triệu tập (số 01 ngày 17/01/2018; số 02 ngày 31/01/2018); cùng chính quyền địa phương tiến hành lấy lời khai của anh T ; thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 01 ngày 01/3/2018; quyết định đưa vụ án ra xét xử ; quyết định hoãn phiên tòa nhưng không thực hiện được vì anh T không có ở nhà. Do đó các thủ tục tố tụng đối với bị đơn được Tòa án niêm yết tại chính quyền địa phương nơi anh T cư trú và thông báo công khai trên phương tiện truyền thông đại chúng theo đúng quy định của pháp luật để anh T biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Ngày 04/6/2018 anh T có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, có nội dung tự khai như sau:

- Về quan hệ hôn nhân :Việc chung sống và đăng ký kết hôn như chị L trình bày là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng có xảy ra nhưng chỉ là xích mích nhỏ và anh đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ

-Về con chung: Như chị L trình bày là đúng. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung: Đề nghị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các khoản nợ chung: Không có.

Căn cứ đơn đề nghị của anh T ngày 04/6/2018, Tòa án tiến hành buổi kiểm tra việc giao nộp , tiếp cận, công khai chứng cứ ; biên bản hòa giải ngày 08/6/2018 đối với các đương sự, anh T có quan điểm:

- Về quan hệ hôn nhân: Nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị L.

-Về con chung: Thống nhất để chị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Nam P, sinh ngày 27/7/2008 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị L

-Về tài sản chung: Thống nhất đã thỏa thuận xong và xác định không có tài sản chung.

- Về các khoản nợ chung: Thống nhất không có.

Tại phiên tòa anh T có nội dung thay đổi:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh đề nghị Hội đồng xét xử cho anh thời gian để hàn gắn tình cảm, nếu không được anh đề nghị giải quyết theo quy định.

-Về con chung: Anh đề nghị là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Nam P, sinh ngày 27/7/2008 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung: Đề nghị Tòa án cho thời gian để thỏa thuận về tài sản, nếu không thỏa thuận được đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về các khoản nợ chung: Không có.

Quan điểm của con chung Nguyễn Nam P, sinh ngày 27/7/2008 tại biên bản lấy lời khai ngày 24/01/2018 như sau: Đề nghị được chị Bùi Thị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Quá trình giải quyết vụ án chị L đã cung cấp các chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (01 bản chính); sổ hộ khẩu (02 bản sao); giấy chứng minh nhân dân (02 bản sao); giấy khai sinh (01 bản sao).

Chứng cứ do Tòa án thu thập:

- Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương ngày 02/3/2018 thể hiện nội dung: Anh chị L, T có sinh sống trên địa bàn khu 7, phường H, thành phố M từ khoảng năm 2011 đến nay. Chị L là người có lối sống lành mạnh, chịu khó làm ăn. Bản thân anh T có lối sống buông thả, thỉnh thoảng còn đánh vợ. Bản thân anh T vài tháng trở lại đây rất ít khi về nhà, nếu về thường chỉ để thăm con rồi lại đi ngay.

- Kết quả ủy thác của Tòa án nhân dân quận L, thành phố H: Tại biên bản xác minh do Công an phường T, quận L, thành phố H cung cấp thể hiện: Không có ai tên là Nguyễn Anh T, sinh năm 1977 có đăng ký nhân khẩu thường trú hoặc sinh sống tại số 74/422 T, phường T, quận L, thành phố H.

Tại biên bản làm việc ngày 19/3/2018 chị L trình bày đối với nội dung xác minh của Tòa án nhân dân quận Lê, thành phố H như sau: Gia đình anh Nguyễn Anh T trước kia có nhà và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: tại 96 ngõ 414, đường T, phường H, quận L, thành phố H (nay là số 74/422 T, phường T, quận L, thành phố H). Tuy nhiên, do làm ăn thua lỗ nên gia đình anh T đã bán nhà chuyển đi nơi khác sinh sống không còn ở địa chỉ trên nữa nhưng vẫn giữ sổ hộ khẩu tại địa chỉ này. Sau khi kết hôn anh T chuyển ra M chung sống cùng tôi đến nay.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh phát biểu như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng qui định của pháp luật;

+ Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị L về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

+ Về tình cảm: Xử cho chịBùi Thị L được ly hônanh Nguyễn Anh T.

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Nam P sinh ngày 27/7/2008 cho chị Bùi Thị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị L và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Đã được giải quyết theo văn bản thỏa thuận về việc thỏa thuận tài sản chung vợ chồng số công chứng 1793, quyển số 18/TP/CC - SCC/HĐGD ngày 08/6/2018, nên không xét.

+ Về khoản nợ chung: Không có, nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Nguyễn Anh T tại nơi anh T cư trú khu 7, phường H, thành phố M nhưng anh T đều không có ở nhà. Đối với nơi anh T đăng ký hộ khẩu thường trú căn cứ vào biên bản xác minh tại Công an phường T ngày 01/3/2018 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố H và biên bản làm việc với chị L ngày 19/3/2018 thể hiện mặc dù anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 74/422 T, phường T, quận L, thành phố H tuy nhiên từ khi kết hôn với chị L thì anh T ở hẳn ngoài thành phố M, còn địa chỉ theo số hộ khẩu không còn ai ở đó vì đã bán nhà . Do đó Tòa án M đã tiến hành niêm yết các thủ tục đối với anh Nguyễn Anh T tại Uỷ ban nhân dân phường H, thành phố M là đúng quy định . Mặt khác Tòa án đã thông báo công khai trên Báo Nhân dân và Trung tâm truyền thông đa phương tiện để anh T biết thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Ngày 04/6/2018 anh Nguyễn Anh T có mặt tại trụ sở T òa án nhân dân thành phố Mo để giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị L.

- Cuộc hôn nhân giữa chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Anh T đảm bảo đầy đủ các điều kiện kết hôn theo qui định của pháp luật, là cuộc hôn nhân hợp pháp. Khi

phát sinh tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Anh T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn tình cảm anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh T có lối sống buông thả, chơi bời không chịu tu chí làm ăn về nhà còn đánh đập chị L, vợ chồng đã sống ly thân không còn sự yêu thương , quan tâm chăm sóc lẫn nhau từ hơn một năm nay. Về phía anh T cũng thừa nhận cuộc sống chung vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và do nó ng giận anh có đánh chị L , nay anh đề nghị Hội đồng xét xử cho anh thêm thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng vì thời gian một năm qua anh đi làm ăn xa . Về phía chị L cho rằng tình cảm vợ chồng đã rạn nứt , mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn kh ắc phục đượ c, việc anh T xin kéo dài thời gian chỉ để hành hạ chị chứ mục đích hôn nhân không còn. Căn cứ vào lời khai của các đương sự, kết quả xác minh cho thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị hoàn toàn là do lối sống buông thả của anh T khiến mục đích hôn nhân không đạt được, hai người đã sống ly thân không còn sự yêu thương quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tại phiên tòa anh T xin cho thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, anh phải là người chủ đ ộng để hàn gắn mâu thuẫn thì ngược lại anh bỏ đi dẫn đến mâu thuẫn càng trở lên trầm trọng, do đó yêu cầu của anh T là không có cơ sở xem xét . Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn , mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị L về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Nguyễn Anh T.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh chị một con chung là Nguyễn Nam P, sinh ngày 27/7/2008. Xét đề nghị của các đương sự thấy: Căn cứ vào nguyện vọng của con chung, kết quả xác minh về lối sống của anh T và khi anh T đi làm ăn xa thì chị L vẫn trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, do đó cần giao con chung cho chị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) đảm bảo sự ổn định và phát triển của con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xét.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải ngày 08/6/2018 các đương sự thống nhất đã thỏa thuận xong và xác định không có tài sản chung. Tại phiên Tòa chị L vẫn giữ quan điểm trên, anh T cho rằng tài sản chung vẫn còn chưa thỏa thuận xong , nếu không thỏa thuận được sẽ yêu cầu Tòa án giải quyế t. Xét đề nghị của anh T thấy yêu cầu vượt quá phạm vi đối với yêu cầu phản tố, đồng thời tại văn bản thỏa thuận về việc thỏa thuận tài sản chung vợ chồng số công chứng 1793, quyển số 18/TP/CC - SCC/HĐGD ngày 08/6/2018 tại văn phòng công chứng K của anh chị đã thỏa thuận về việc chia tài sản chung nên không có căn cứ để xem xét. Sau này, nếu có cơ sở và căn cứ chứng minh anh chị còn có tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị có thể khởi kiện yêu cầu giải quyếtbằng vụ kiện chia tài sản sau ly hôn

[5] Về các khoản nợ chung: Chị L, anh T trình bày không có, nên không đề cập.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí : Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình , nên nguyên đơn chị Bùi Thị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị L về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Anh T.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Nam P sinh ngày 27/7/2008 cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị L

Sau khi ly hôn , người không trực tiếp nuôi con chung có quyền , nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở . Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom , chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền nuôi con của người đó

Khi vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Áp dụng: Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự ; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Bùi Thị L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng)* chị L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, theo biên lai thu tiền số: 0001146 ngày 15/01/2018. Chị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng: Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND thành phố M;
- THADS thành phố M;
- Án văn + L□u.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Thị Thanh Phương

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Giang ***Đinh Thanh Hoàn*** ***Vũ Thị Thanh Phương***